

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B- LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2020/HNGĐ-ST**.

Ngày: 10 - 6 - 2020.

V/v tranh chấp: *Ly hôn*

giữa chị T và anh P.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Nguyễn Ry**

- Bà **Nguyễn Thị Duyên**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày **10** tháng **6** năm **2020** tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số **22/2020/TLST-HNGĐ** ngày 06 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **14/2020/QĐXXST-HNGĐ** ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Trần Phương Uyên T**, sinh năm: 1985. Hộ khẩu thường trú: Số 717/7 đường Trần Phú, Phường X, Thành phố Y, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ tạm trú: Số 04 đường Phan Đình Giót, Phường Z, Thành phố Y, tỉnh Lâm Đồng. (*Có mặt*).

* **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Duy P**, sinh năm: 1984. Hộ khẩu thường trú: Tổ 13, Thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ tạm trú: Thôn 8, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Phương Uyên T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh P tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND Phường X, Thành phố Y, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 11/9/2017, hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nên vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh P.

- *Bị đơn anh Nguyễn Duy P trình bày:*

Anh P thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân. Anh P cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống và làm ăn tại tỉnh Đắk Nông. Đến năm 2018 do chị T bị động thai nên chuyển về Thành phố Y sinh sống, từ đó vợ chồng không còn chung sống cho đến nay. Nay anh P cho rằng tình cảm vợ chồng có thể hàn gắn được, anh P vẫn còn yêu thương chị T và có nguyện vọng muốn được trở về đoàn tụ, chung sống và xây dựng hạnh phúc gia đình nên anh P không đồng ý ly hôn.

** Về con chung, tài sản chung, nợ chung:* Chị T và anh P đều thống nhất trình bày vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Chị Trần Phương Uyên T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về tranh chấp “Ly hôn” với anh Nguyễn Duy P. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

*** Về nội dung:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh P tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND Phường X, Thành phố Y, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 11/9/2017, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P là hoàn toàn hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Chị T cho rằng quá trình chung sống do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nên vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh P. Còn anh P thì cho rằng mâu thuẫn không có gì lớn, có nguyện vọng được đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng vợ chồng lại không chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; xử cho chị T được ly hôn với anh P.

** Về con chung, tài sản chung, nợ chung:* Chị T và anh P đều thống nhất trình bày vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Buộc chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Phương Uyên T đối với anh Nguyễn Duy P về tranh chấp “*Ly hôn*”.

Xử cho chị Trần Phương Uyên T được ly hôn với anh Nguyễn Duy P.

2/ Về án phí: Chị Trần Phương Uyên T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0019567 ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Trần Phương Uyên T đã nộp đủ tiền án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- UBND Phường X, TP. Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường

